

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2026/DS-ST**

Ngày 13/02/2026.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Vinh
Ông Phan Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 1 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Đ, sinh năm 1971.

Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện TP, tỉnh Quảng Nam (nay là xã TP, thành phố Đà Nẵng).

Địa chỉ liên lạc: tổ 1, thôn T, xã H, huyện HV, thành phố Đà Nẵng (nay là tổ 1, thôn T, phường H, thành phố Đà Nẵng).

Số điện thoại: 0935.xxx.xxx.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân C, sinh năm 1997.

Địa chỉ liên lạc: tổ 1, thôn T, xã H, huyện HV, thành phố Đà Nẵng (nay là tổ 1, thôn T, phường H, thành phố Đà Nẵng).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Đ1, sinh năm 1986; Số CCCD: 0400860xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/07/2022.

Địa chỉ thường trú: Khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Khu phố 10, phường T, tỉnh Đồng Nai).

Số điện thoại: 0979. xxx.xxx.

(Trước khi mở phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Xuân C đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Đình Đ1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình tố tụng và bản ý kiến ngày 13/02/2026 – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Đ là ông Phạm Xuân C trình bày:

Vào ngày 20/10/2024 ông Phạm Đ và ông Nguyễn Đình Đ1 có ký kết Giấy vay tiền với những nội dung như sau:

- Số tiền vay: 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng);
- Thời hạn vay: 02 tháng kể từ ngày 20/10/2024;
- Lãi suất: 0%
- Ngày thanh toán cuối cùng 20/12/2024;

- Khi đến hạn trả nợ nếu ông Đ1 không trả cho ông Đ số tiền vay nêu trên thì khoản vay sẽ được tính lãi suất là: 20%/năm.

Thực hiện Giấy vay tiền ông Phạm Đ đã giao đầy đủ toàn bộ số tiền vay là 570.000.000 đồng cho ông Nguyễn Đình Đ1, có xác nhận trong Giấy vay tiền ngày 20/12/2024.

Từ khi khoản vay đến thời hạn trả tiền ông Đ đã rất nhiều lần liên hệ đề yêu cầu ông Đ1 trả tiền, tuy nhiên ông Đ1 cố tình lẩn tránh và không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết.

Tổng số tiền vay tạm tính đến ngày 13/02/2026 là: **701,178,083 đồng**. Trong đó:

Nợ gốc : 570,000,000 đồng;

Nợ lãi : 131,178,083 đồng.

Tiền lãi được tính theo công thức như sau:

Tiền lãi = Số ngày chịu lãi * % lãi suất/ngày * Số tiền chịu lãi / 100

Trong đó: % lãi suất/ngày = 20%/365 = 0.054794521%

Bảng tính lãi:

Đơn vị tính: Đồng

Từ ngày	Đến ngày	Số ngày chịu lãi	% lãi suất/ngày	Số tiền chịu lãi	Tiền lãi
21/12/2024	31/12/2024	11	0.054794521	570,000,000	3,435,616
01/01/2025	31/01/2025	31	0.054794521	570,000,000	9,682,192
01/02/2025	28/02/2025	28	0.054794521	570,000,000	8,745,205
01/03/2025	31/03/2025	31	0.054794521	570,000,000	9,682,192

01/04/2025	30/04/2025	30	0.054794521	570,000,000	9,369,863
01/05/2025	31/05/2025	31	0.054794521	570,000,000	9,682,192
01/06/2025	30/06/2025	30	0.054794521	570,000,000	9,369,863
01/07/2025	31/07/2025	31	0.054794521	570,000,000	9,682,192
01/08/2025	31/08/2025	31	0.054794521	570,000,000	9,682,192
01/09/2025	30/09/2025	30	0.054794521	570,000,000	9,369,863
01/10/2025	31/10/2025	31	0.054794521	570,000,000	9,682,192
01/11/2025	30/11/2025	30	0.054794521	570,000,000	9,369,863
01/12/2025	31/12/2025	31	0.054794521	570,000,000	9,682,192
01/01/2026	31/01/2026	31	0.054794521	570,000,000	9,682,192
01/02/2026	13/02/2026	13	0.054794521	570,000,000	4,060,274
Tổng Cộng		420	131,178,083		

Nhận thấy ông Nguyễn Đình Đ1 không thực hiện việc trả tiền cho ông Phạm Đ theo đúng như giấy vay tiền đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Đ.

Từ những nội dung trình bày trên, Tôi yêu cầu tòa xem xét, giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc ông Nguyễn Đình Đ1 phải trả ngay cho ông Phạm Đ tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/02/2026 là: **701,178,083 đồng** (Bảy trăm lẻ một triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 570,000,000 đồng; Nợ lãi là: 131,178,083 đồng.

- Kể từ ngày 14/02/2026 ông Nguyễn Đình Đ1 còn tiếp tục phải trả cho ông Phạm Đ số tiền lãi phát sinh theo giấy vay tiền đã ký kết trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi tất toán khoản vay.

- Kể từ ngày Quyết định/Bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Đình Đ1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì ông Phạm Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản liên quan đến ông Nguyễn Đình Đ1 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ông Phạm Đ.

* *Bị đơn ông Nguyễn Đình Đ1*: Trong quá trình tham gia tố tụng đã không hợp tác lên Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Đình Đ1 phải trả cho ông Phạm Đ số tiền vay chưa thanh toán bao gồm cả tiền gốc và lãi chậm trả tính đến ngày 13/02/2026 là: **701,178,083 đồng** (Bảy trăm lẻ một triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 570,000,000 đồng; Nợ lãi là: 131,178,083 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai giải quyết tranh chấp về việc trước đó đã cho ông Nguyễn Đình Đ1 vay tiền; nơi cư trú của ông Nguyễn Đình Đ1 hiện nay theo xác minh của Công an phường T có địa chỉ tại: Khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Khu phố 10, phường T, tỉnh Đồng Nai). Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Xuân C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Đình Đ1 không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, lần thứ hai để tham gia làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tham gia phiên tòa, nhưng ông Đ1 vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cam kết không có tài liệu, chứng cứ nào khác để giao nộp thêm và tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nên cũng không bổ sung thêm chứng cứ nào khác, ngoại trừ việc ông Phạm Xuân C gửi bản trình bày ý kiến về số gốc lãi tính đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Riêng bị đơn đã được tổng đạt, niêm yết các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; nhận được thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn không hợp tác lên Tòa án làm việc. Do đó, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 20/10/2024 ông Phạm Đ và ông Nguyễn Đình Đ1 có ký kết Giấy vay tiền với những nội dung như sau:

- Số tiền vay: 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng);
- Thời hạn vay: 02 tháng kể từ ngày 20/10/2024;
- Lãi suất: 0%
- Ngày thanh toán cuối cùng 20/12/2024;

- Hai bên còn thỏa thuận khi đến hạn trả nợ nếu ông Đ1 không trả cho ông Đ số tiền vay nêu trên thì khoản vay sẽ được tính lãi suất là: 20%/năm.

- Khi cho vay tiền cả hai bên đã lập giấy vay tiền.

Vào ngày 20/12/2024 là ngày đến hạn trả lại tiền gốc nhưng ông Nguyễn Đình Đ1 cũng không trả và hứa hẹn nhiều lần, nhưng đều không thực hiện theo như cam kết. Sự việc phát sinh tranh chấp nên ông Phạm Đ phải khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để đòi lại tiền gốc và tiền lãi chậm trả; tính đến ngày 13/02/2026 ông Nguyễn Đình Đ1 còn nợ là: **701,178,083 đồng** (Bảy trăm lẻ một triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 570,000,000 đồng; Nợ lãi là: 131,178,083 đồng.

[3]. Về đánh giá vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đ là có căn cứ, bởi lẽ: Theo giấy vay tiền thể hiện ông Nguyễn Đình Đ1 có vay của ông Phạm Đ số tiền 570.000.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu đồng). Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; giấy mời lên làm việc cũng như ban hành Thông báo yêu cầu ông Đ1 cung cấp văn bản trình bày ý kiến để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Đình Đ1 không chấp hành; thể hiện ông Đ1 chấp nhận khoản nợ đồng thời từ bỏ luôn quyền tự chứng minh, tự cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Đình Đ1 có vay của ông Phạm Đ số tiền gốc 570.000.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu đồng). Việc cho vay có lập giấy vay tiền nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên cần phải thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận. Ông Nguyễn Đình Đ1 không trả tiền đúng như cam kết. Ông Phạm Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đình Đ1 phải trả nợ vay gốc và lãi suất chậm trả trên số tiền chưa trả theo nội dung các bên đã thỏa thuận là có cơ sở, đúng với quy định của pháp luật.

[4]. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự, nhận thấy việc ông Phạm Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Đ và ông Đ1 là có cơ sở để chấp nhận, cần buộc ông Nguyễn Đình Đ1 phải trả cho ông Phạm Đ số tiền nợ vay tính đến ngày 13/02/2026 là: **701,178,083 đồng** (Bảy trăm lẻ một triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 570,000,000 đồng; Nợ lãi là: 131,178,083 đồng.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Đ1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 32.087.123đ (Ba mươi hai triệu không trăm tám mươi bảy ngàn một trăm hai mươi ba đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[6]. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 243, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đ về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Nguyễn Đình Đ1.

Buộc ông Nguyễn Đình Đ1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Đ số tiền nợ vay tính đến ngày 13/02/2026 là: **701,178,083 đồng** (Bảy trăm lẻ một triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 570,000,000 đồng; Nợ lãi là: 131,178,083 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí DS-ST: Ông Nguyễn Đình Đ1 phải nộp tiền án phí là 32.087.123đ (Ba mươi hai triệu không trăm tám mươi bảy ngàn một trăm hai mươi ba đồng). Hoàn trả lại cho ông Phạm Đ số tiền tạm ứng án phí 13.962.192đ (Mười ba triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn một trăm chín mươi hai đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004535 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 1 - Đồng Nai;
- THADS Đồng Nai
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Hồng